Phụ lục 83
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BẢNG GIÁ ĐẤT LẦN ĐẦU TỈNH AN GIANG
ÁP DỤNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2026
XÃ Ô LÂM

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND ngày tháng năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)

A. ĐẤT Ở

Sửa đổi, bổ sung nội dung tại số thứ tự 7, 8, 9, 24, 25, 36, 27, 28, 30, 32, 37, 41, 42 Phụ lục 83 ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m2

TT	Số TT PL83 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
I	**SỬA TÊN ĐƯỜNG**			
1	7	Ranh xã Tri Tôn – Đoạn cầu Lò Gạch bờ Bắc (Thuộc ấp An Lương)	150	Sửa tên đường (Tên cũ: Đoạn Ranh xã Tri Tôn – Đoạn cầu Lò Gạch bờ Bắc)
2	8	Đoạn cầu Lò Gạch - ranh xã Vĩnh gia (Đường H80)	150	Sửa tên đường (Tên cũ: Đoạn cầu Lò Gạch - ranh xã Vĩnh gia)
3	9	Đường vào Chùa Sà Lôn (Đường tỉnh 955B-Chùa Sà Lôn)	312	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường vào Chùa Sà Lôn)
4	24	Hang Tuyên Huấn (đường tỉnh 959- ngã ba Hang Tuyên Huấn)	144	Sửa tên đường (Tên cũ: Hang Tuyên Huấn)
5	27	Đường vào hồ Ô Thum (đoạn nối dài đường hang Tuyên Huấn - Cống xã nước Hồ Ô Thum tuyến N1)	120	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường vào hồ Ô Thum (đoạn nối dài đường hang Tuyên Huấn - Mương bơm sau hồ Ô Thum tuyến N1))

TT	Số TT PL83 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
6	26	Đường tỉnh 959 - Chân Hồ Ô Thum	120	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường tránh hồ Ô Thum)
7	25	Công an xã Ô Lâm - Ngã tư chợ	360	Sửa tên đường (Tên cũ: Lộ trung tâm: Ngã ba UBND - Ngã tư chợ)
8	28	Đường huyện 79B - Bờ Bắc kênh Ninh Phước 1(Giáp ranh xã Vĩnh Gia - Giáp ranh xã Cô Tô)	220	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường huyện 79B (Giáp ranh xã Vĩnh Gia - Giáp ranh xã Cô Tô))
9	30	Đường cầu Lò Gạch (Đường tỉnh 958 - cầu Kênh H7)	120	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường cầu Lò Gạch)
10	32	Đường Hồ Xoài Chếk (Đường tỉnh 959)	120	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường Hồ Xoài Chếk)
11	37	Cầu Kênh H7- suốt tuyến	100	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường kênh H7)
12	41	Các tuyến đường khác có độ rộng đường ≥ 3m	160	Sửa tên đường (Tên cũ: Các tuyến đường khác có nền đường ≥ 3m được trải bê tông hoặc nhựa)
13	42	Các tuyến đường khác có độ rộng đường < 3m	120	Sửa tên đường (Tên cũ: Các tuyến đường khác có nền đường < 3m được trải bê tông hoặc nhựa)
II	**HỦY BỎ**			

TT	Số TT PL83 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
1	40	Khu vực 3: đất ở nông thôn khu vực còn lại, chỉ xác định một vị trí	120	Huỷ bỏ
2	43	Các tuyến đường còn lại	100	Huỷ bỏ